

DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 18/2024¹

ÁN LỆ SỐ .../2024/AL

Về việc xác định giá đất để làm căn cứ bồi thường khi thu hồi đất

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua vào ngày tháng năm 2024 và được công bố theo Quyết định số /QĐ-CA ngày tháng năm 2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Nguồn án lệ:

Bản án hành chính phúc thẩm số 427/2019/HC-PT ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc “khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất” giữa Người khởi kiện là ông Trần Văn H; Người bị kiện là UBND tỉnh B và UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Vị trí nội dung án lệ:

Đoạn 6 và 7 phần “Nhận định của Tòa án”

Khái quát nội dung án lệ:

- Tình huống án lệ:

Cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất, nhưng chậm công bố và giao các quyết định này cho người bị thu hồi đất. Tại thời điểm công bố và giao các quyết định này cho người bị thu hồi đất thì giá đất đã có sự thay đổi, nên người bị thu hồi đất không đồng ý với giá đất bồi thường tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường.

- Giải pháp pháp lý:

Trường hợp này, Tòa án phải xác định giá đất để làm căn cứ bồi thường cho người bị thu hồi đất là giá đất tại thời điểm thu hồi đất.

Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:

- Điều 11, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ

- Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường...

.....

Từ khóa của án lệ:

“Quyết định thu hồi đất”, “Xác định giá đất để tính bồi thường cho người bị thu hồi đất”...

NỘI DUNG VỤ ÁN:

¹ Án lệ này do Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

**Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người khởi kiện ông Trần Văn H trình bày:*

Gia đình ông Trần Văn H bị thu hồi 2.899 m² đất trong công trình BOT ĐT-747B đoạn đi xã Khánh Bình (nay là phường K) huyện T (nay là thị xã T). Đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh được triển khai thực hiện từ năm 2010.

Tại buổi làm việc đầu tiên ngày 18/12/2014 ông Trần Văn H đã không đồng ý với yêu cầu nhận tiền bồi thường, bàn giao cho ông Trần Văn H các văn bản như sau:

- Quyết định số: 9858/QĐ-UBND, ngày 03/10/2012 của UBND huyện T (nay thị xã T) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B từ đoạn nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh.

- Quyết định số: 10492/QĐ-UBND, ngày 16/10/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P, ngụ tại khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Ông Trần Văn H không đồng ý nhận tiền bồi thường, do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T thực hiện việc giải tỏa, bồi thường đối với 2.899,2m² đất của ông Trần Văn H trái các quy định của pháp luật về giải tỏa, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Ngày 24/12/2014, ông H có đơn khiếu nại việc áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với 2.899,2 m² đất của ông H đến UBND thị xã T.

Ngày 10/4/2015, Trung tâm phát triển đất thị xã T tiến hành đối thoại giải quyết các nội dung khiếu nại của ông Trần Văn H; ngày 29/5/2015 UBND thị xã T ban hành Công văn số: 3131/UBND-TD trả lời đơn của ông Trần Văn H với cùng kết luận như kết quả đối thoại là Trung tâm phát triển quỹ đất đã bồi thường, hỗ trợ với diện tích 2.899,2m² đất của ông H bị thu hồi là đúng theo quy định, cụ thể:

Đối với ý kiến tại sao đến nay, hơn 2 năm kiểm kê, mới đưa quyết định bồi thường và bảng áp giá cho ông Trần Văn H, trong khi Quyết định có ghi rõ ông Trần Văn H có quyền khiếu nại trong vòng 90 ngày: Việc này nguyên nhân do từ tháng 10/2012 đến tháng 11/2014 nguồn vốn phân bổ cho Dự án không đủ để chi trả bồi thường cho dân nên không mời ông Trần Văn H đến để giao quyết định và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Về thời hiệu khiếu nại theo khoản 3 Điều 2 Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện T có quy định ông Trần Văn H và bà Hà Thị P có quyền khiếu nại quyết định này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận quyết định. Ông Trần Văn H đã nhận quyết định bồi thường vào ngày 18/12/2014. Theo đó, thời hiệu khiếu nại Quyết định số 14092/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 được tính từ ngày ông Trần Văn H ký nhận quyết định số 10492/QĐ-UBND (ngày 18/12/2014).

Về trình tự, thủ tục thu hồi và bồi thường, hỗ trợ Trung tâm Phát triển quỹ đất đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 46 và Điều 47 Quyết định số: 87/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh B. Trong quá trình thực hiện Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T đã phối hợp với UBND phường K tổ chức họp công khai Phương án bồi thường, niêm yết công khai phương án bồi thường.

Ông Trần Văn H đề nghị thẩm định lại giá đất, thẩm định lại Phương án bồi thường, hỗ trợ số: 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012, nhưng đến ngày 18/12/2014 mới giao cho ông là không có căn cứ để xem xét giải quyết vì phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) được niêm yết công khai đúng trình tự, thủ tục; đơn giá bồi thường, hỗ trợ trong phương án bồi thường được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên - Môi trường “.. giá đất theo mục đích đang sử dụng của loại đất bị thu hồi, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định và công bố vào ngày 01 tháng 01 hàng năm...”.

Đối với ý kiến nêu không thể điều chỉnh giá đất theo giá thị trường, đề nghị chủ đầu tư và chính quyền địa phương có phương án đổi đất khác có cùng mục đích sử dụng và có giá trị tương đương: Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định “Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất”. Do địa phương không có quỹ đất để bồi thường nên các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo đất tại thời điểm thu hồi đất. Ông Trần Văn H đề nghị đổi đất khác có cùng mục đích sử dụng và có giá trị tương đương là không thực hiện được.

Ông Trần Văn H không đồng ý với kết quả giải quyết của UBND thị xã T tại Công văn số 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 trả lời đơn khiếu nại và đề nghị của ông Trần Văn H như nêu trên bằng quyết định giải quyết khiếu nại. Ngày 06/9/2016, ông Trần Văn H khiếu nại Công văn số 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T nêu trên, yêu cầu: Hủy bỏ công văn số 3131/UBND- TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T về việc trả đơn của ông Trần Văn H; Yêu cầu UBND thị xã T giao Quyết định thu hồi đất cho ông Trần Văn H theo đúng trình tự quy định pháp luật; hủy Quyết định số 10492/QĐ-UBND, ngày 16/10/2012 của UBND huyện T (nay thị xã T) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và xác định lại giá đất bồi thường theo giá đất thị trường tại thời điểm UBND thị xã T giao quyết định thu hồi đất cho ông

Trần Văn H (giá đất bồi thường tại thời điểm thu hồi đất) hoặc hoán đổi đất khác có cùng vị trí, mục đích sử dụng và giá trị tương đương.

Ngày 30/12/2015, Chủ tịch UBND thị xã T ban hành quyết định 6465/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn H, giữ nguyên Công văn số 3131/UBND-TD, ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T và Quyết định số 10492/QĐ-UBND, ngày 16/10/2012 của UBND huyện T (nay thị xã T) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, với nội dung:

Về trình tự, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ: UBND thị xã T đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 46 và Điều 47 Quyết định số 87/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh B. Trong quá trình thực hiện ban ngành thị xã T đã phối hợp với UBND xã K tổ chức họp dân công khai phương án bồi thường, niêm yết công khai phương án bồi thường đúng theo quy định.

Về đơn giá bồi thường, hỗ trợ: Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao với đường Thủ Biên - Cống Xanh (Đợt 1: Đoạn từ cầu Khánh Vân đến khu công nghiệp Nam Tân Uyên thuộc địa phận xã K, huyện T, tỉnh Bình Dương). Trong đó, quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất áp dụng theo Quyết định số 66/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 ban hành quy định bản giá các loại đất năm 2012 và Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 20/11/2011 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2012 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Những đoạn nấn tuyến có phạm vi giải tỏa ngoài 19m (tính từ tim đường), đối với đất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 70% giá đất ở theo Công văn số 492/UBND-KTN. Theo đó, đơn giá bồi thường đất trồng cây lâu năm cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P là: 168.000 đồng/m², hỗ trợ đất nông nghiệp thửa đất số 68 bằng 70% đơn giá đất ở với diện tích 521,5m², hỗ trợ đất nông nghiệp bằng 50% đơn giá đất ở với diện tích: 875,5m², hỗ trợ nấn tuyến bằng 70% đơn giá đất ở với diện tích 103m², tổng phân tích hỗ trợ bằng 05 lần hạn mức giao đất ở (5 lần x 300 m² = 1500 m²) đúng theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt tại Quyết định số: 9858/QĐ-UBND.

Đối với nội dung ông Trần Văn H yêu cầu trao đổi đất khác có cùng vị trí, mục đích sử dụng và giá trị tương đương: do là dự án nâng cấp, mở rộng đường (ĐT 747B) nên diện tích các hộ dân bị ảnh hưởng nhỏ, phần diện tích còn lại đảm bảo xây dựng nhà ở, tái thiết cuộc sống và số lượng các hộ dân giải tỏa trắng hết đất là rất ít. Do đó, công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cống Xanh được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất thời điểm quyết định thu hồi đất là đúng theo quy định tại khoản 2, Điều 14 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Không đồng ý với việc UBND thị xã T giải quyết khiếu nại trên, ngày 07/02/2017 ông Trần Văn H khiếu nại Quyết định số 6546/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND thị xã T đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

Ngày 11/10/2017, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn H với nội dung:

Việc ông Trần Văn H yêu cầu bàn giao trực tiếp quyết định thu hồi đất, là không có cơ sở xem xét, giải quyết vì: Dự án Công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh được UBND tỉnh phê duyệt Dự án tổng thể tại Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 trên cơ sở Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, không quy định phải bàn giao trực tiếp quyết định thu hồi đất, chỉ quy định gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất bị thu hồi. Tuy nhiên, để đảm bảo tính công khai, minh bạch và thông tin đến cho người dân, cơ quan chức năng của UBND huyện T cũng đã 02 lần mời ông Trần Văn H, bà Hà Thị P đều không đến và UBND xã K đã lập Biên bản, niêm yết công khai danh sách các hộ bị thu hồi đất, kèm theo quyết định thu hồi đất tại trụ sở UBND xã K.

Về nội dung ông Trần Văn H yêu cầu bồi thường 2028,2 m² đất theo giá thị trường tại thời điểm UBND thị xã T bàn giao quyết định thu hồi đất hoặc hoán đổi đất khác có cùng mục đích sử dụng và vị trí tương đương là không có cơ sở xem xét, giải quyết vì: UBND huyện T đã áp giá bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P đúng theo phương án bồi thường, hỗ trợ mà UBND huyện T phê duyệt tại Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 và trong phương án trên cũng không quy định về việc hoán đổi đất, hơn nữa địa phương cũng không có quỹ đất để hoán đổi.

Việc UBND thị xã T thực hiện các thủ tục giải tỏa, bồi thường đối với quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H và UBND tỉnh B, UBND thị xã T giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn H là trái pháp luật, cụ thể:

Về trình tự thủ tục giải tỏa, bồi thường:

Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Tân Uyên thực hiện không đúng theo các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục bồi thường, cụ thể:

Căn cứ các Điều 30, 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Điều 46, 47 Quyết định số 87/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh B về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương quy định về việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất, phê duyệt, thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì đều quy định trước khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được gửi đến Cơ quan tài nguyên và Môi trường thẩm định, thì phải được tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng tổ chức công bố, niêm yết công

khai để người bị thu hồi đất và những người có liên quan tham gia ý kiến để hoàn chỉnh phương án. Sau khi Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phương án tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người có đất bị thu hồi, trong đó nêu rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, về bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã bị thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Tuy nhiên, từ khi dự án triển khai năm 2011 đến ngày 18/12/2014 ông Trần Văn H mới được mời để yêu cầu nhận tiền bồi thường là hơn hai năm, ngoài ra ông Trần Văn H không được Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Tân Uyên, UBND xã K (nay phường K) hay bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào thông báo ông Trần Văn H đến để công bố dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt, cũng như nhận các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, để ông Trần Văn H biết được quyền sử dụng đất của mình được giải tỏa, bồi thường như thế nào để bảo vệ quyền lợi của mình, thực hiện chủ trương chung của địa phương, trong khi theo các quy định của pháp luật nêu trên điều quy định ông Trần Văn H được thực hiện quyền của người có đất bị thu hồi là tham gia ý kiến đối với phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư, được phổ biến phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt, được nhận quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phương án bồi thường được phê duyệt.

Quyết định 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND thị xã T; Quyết định 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết khiếu nại lại trả lời ông Trần Văn H là đã mời ông Trần Văn H đến UBND xã K để công bố và bàn giao Quyết định thu hồi đất theo giấy mời số 112/GM-TN&MT tuy nhiên ông Trần Văn H không đến nên lập biên bản niêm yết. Việc Chủ tịch UBND thị xã T, Chủ tịch UBND tỉnh B đã trả lời như trên là hoàn toàn dối trá, ông Trần Văn H vô cùng bức xúc vì tại Công văn 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T và qua các lần làm việc đối thoại trước đó ngày 10/4/2015 ghi nhận rất rõ rằng lý do quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H được phê duyệt tháng 10/2012 nhưng đến ngày 18/12/2014 mới tổ chức mời ông Trần Văn H nhận quyết định và nhận tiền bồi thường là do từ tháng 10/2012 đến tháng 11/2014 nguồn vốn phân bổ cho dự án không đủ để chi trả bồi thường cho dân nên không mời ông Trần Văn H đến để giao quyết định và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Phương án bồi thường, giải tỏa và hỗ trợ tái định cư trái pháp luật, cụ thể: Tại Mục 5 quy định các chính sách hỗ trợ đã quy định hạn chế phạm vi được hỗ trợ của người có đất bị thu hồi là chỉ trong phạm vi giải tỏa từ 10m đến 19m thì mới được hỗ trợ, trong khi theo các quy định tại Điều 21 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Điều 34 Quyết định số 87/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh B quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư đất vườn, ao không được công nhận là đất ở, thì hoàn toàn không có quy định nào cho phép UBND huyện T quy định hạn chế, giới hạn phạm vi giải tỏa được hỗ trợ mà trái lại theo các quy định trên thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ đối với toàn bộ diện tích nhưng không quá 05 lần hạn mức giao đất ở tại thời điểm thu hồi.

Quyết định số 8483/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 10492/QĐ-UBND, ngày 16/10/2012 của UBND huyện T (nay thị xã T) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Văn H với tổng số tiền 1.518.515.550 đồng trái pháp luật:

Các quyết định này được ban hành trên những căn cứ trái luật, hồ sơ không, kèm theo Quyết định nêu trên là biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất lập ngày 28/12/2011 nhưng ông Trần Văn H hoàn toàn không nhận được biên bản kiểm kê tài sản có bảng vẽ hiện trạng vị trí đất của ông Trần Văn H bị giải tỏa, không xác định ranh mốc phần đất giải tỏa như vậy làm sao xác định được diện tích đất giải tỏa là bao nhiêu để thu hồi đất, tính giá bồi thường. Đồng thời bản áp giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 61/TTPTQĐ-KT, lập ngày 13/8/2012 còn được thực hiện trước khi UBND huyện T ra quyết định thu hồi đất của ông Trần Văn H vào ngày 23/8/2012.

Như vậy, qua quá trình thực hiện giải toàn bộ thường quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T đã phân tích như trên, có thể thấy rằng trình tự, thủ tục bồi thường giải tỏa, bồi thường quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H là hoàn toàn trái pháp luật.

Giá bồi thường:

Vấn đề sau hơn hai năm (ngày 18/12/2014), ông Trần Văn H mới nhận được Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, bản áp giá bồi thường, trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T, UBND thị xã T đều trả lời ông Trần Văn H thời hiệu khiếu nại được tính từ ngày ông Trần Văn H nhận quyết định là ngày 18/12/2014, nên rõ ràng Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện T ban hành và Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T có hiệu lực kể từ ngày 18/12/2014 và vì đây là quyết định hành chính áp dụng đối với ông Trần Văn H nên đương nhiên sẽ phát sinh hiệu lực khi ông Trần Văn H nhận được quyết định ngày 18/12/2014 và quyết định này hoàn toàn không có giá trị pháp lý khi UBND huyện T ban hành và trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Tân Uyên lưu trữ tại cơ quan mà không giao cho ông Trần Văn H.

Như vậy, căn cứ khoản 1, Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên-Môi trường “giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng của lại đất bị thu hồi, được UBND cấp tỉnh quy định và công bố ngày 01 tháng 01 hàng năm” thì giá đất để tính bồi thường cho ông Trần Văn H phải là giá đất năm 2015 nhưng quyết định số 10492/QĐ-UBND, ngày 16/10/2012 của UBND huyện T lại áp giá theo giá đất tại thời điểm năm 2012. Hơn nữa, căn cứ khoản 2, Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định thì giá đất tính bồi thường là giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất và hiện nay ông Trần Văn H vẫn chưa được Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Tân Uyên, UBND thị xã T giao quyết định thu hồi đất. Vì vậy ông Trần Văn H đề nghị bồi thường giá đất tại thời điểm bồi thường (thời điểm thu hồi đất) là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; khoản 1, Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 quy định về giá đất để tính bồi thường và xác định giá đất trong một số trường hợp cụ thể thì giá đất tại thời điểm thu hồi đất chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường để xác định lại giá đất cụ thể cho phù hợp hoặc giao cho cơ quan chức năng xác định lại giá đất cụ thể để quyết định giá đất tính bồi thường cho phù hợp và không bị giới hạn bởi quy định về khung giá các loại đất.

Như vậy, Dự án Công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B được phê duyệt từ năm 2010, được triển khai thực hiện từ cuối năm 2011 nhưng mãi đến hơn hai năm sau là ngày 18/12/2014 Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T mới tiến hành giao quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để tiến hành bồi thường cho ông Trần Văn H, do đó việc để kéo dài chậm thực hiện bồi thường cho ông Trần Văn H, dẫn đến ông Trần Văn H phải khiếu nại để yêu cầu giải quyết đòi thường theo giá đất thị trường tại thời điểm bồi thường là lỗi của Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T, UBND huyện T, cho nên ông Trần Văn H đề nghị được bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm bồi thường (thời điểm thu hồi đất) là hoàn toàn có cơ sở.

Trường hợp do địa phương không có quỹ đất để hoán đổi cho ông Trần Văn H thì phải xem xét điều chỉnh, tham mưu UBND tỉnh có phương án thẩm định lại giá đất để bồi thường cho người dân kịp thời, hạn chế gây thiệt hại cho người dân vì đây là trường hợp bồi thường chậm, lỗi thuộc về UBND thị xã T nhưng UBND tỉnh B, UBND thị xã T giải quyết khiếu nại khẳng định việc giải tỏa, bồi thường cho ông Trần Văn Hai là đúng quy định để né tránh trách nhiệm, gây bức xúc, làm giảm lòng tin của người dân và các cơ quan quản lý hành chính của địa phương, dẫn đến việc khiếu nại kéo dài.

Từ những nội dung trình bày trên cho thấy việc UBND thị xã T thực hiện bồi thường, giải tỏa quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H là trái pháp luật nhưng Chủ tịch UBND huyện (nay là thị xã T), Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn H tiếp tục khẳng định bồi thường, giải tỏa quyền sử dụng đất của ông Trần Văn H đã đúng quy định pháp luật. Do đó, ông Trần Văn H khởi kiện Ủy ban nhân dân thị xã T đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, với yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Hủy quyết định 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND huyện T, tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cống Xanh (đợt 1: đoạn từ cầu Khánh Vân đến hết khu công nghiệp Nam Tân Uyên thuộc địa phận xã (nay phường) K, huyện (nay thị xã) T, tỉnh Bình Dương;

- Hủy Quyết định số: 8493/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất;

- Hủy Quyết định số: 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Hủy Công văn số: 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc trả lời đơn của ông Trần Văn H;

- Hủy Quyết định 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần 1);

- Hủy Quyết định 2731/QĐ-UBND ngày ^ 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần 2).

*Ông Trần Văn H thống nhất lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

*Bà Hà Thị P thống nhất lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H.

**Tại bản tường trình của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã T, Chủ tịch UBND thị xã T - ông Ngô Quang S trình bày:*

- Về cơ sở pháp lý, trình tự, thủ tục bồi thường công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cống Xanh:

+ Ngày 20/9/2010, UBND huyện T (nay là thị xã T) ban hành Thông báo số 277/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án tỉnh lộ ĐT 747B, đoạn Bình Chuẩn - Hội Nghĩa.

+ Ngày 13/10/2011, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2998/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình

Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh.

+ Ngày 03/5/2012, UBND huyện T (nay là thị xã T) ban hành Thông báo số 201/TB-UBND về việc điều chỉnh Thông báo số 277/TB-UBND ngày 20/9/2010 của UBND huyện T về việc thu hồi đất để thực hiện dự án tỉnh lộ ĐT 747B, đoạn Bình Chuẩn - Hội Nghĩa.

+ Ngày 27/10/2011, Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã K (nay là phường K) tổ chức họp công khai Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh tại xã K (nay là phường K).

+ Ngày 28/12/2011, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã K (nay là phường K) kiểm kê đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Trần Văn H và ngày 13/8/2012, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã thực hiện áp giá bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H với tổng số tiền là 1.518.515.550 đồng (*Một tỷ năm trăm mười tám triệu năm trăm mười lăm nghìn năm trăm năm mươi đồng*).

+ Ngày 10/5/2012 và ngày 11/5/2012, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã K (nay là phường K) tổ chức họp công khai dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh (đoạn thuộc xã K). Đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường K và các Văn phòng khu phố nơi có đất bị ảnh hưởng công trình từ ngày 11/5/2012 đến ngày 31/5/2012 (có Biên bản làm việc).

+ Ngày 05/6/2012, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã K (nay là phường K) kết thúc niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh (đoạn thuộc phường K). Trong thời gian từ ngày 11/5/2012 đến ngày 31/5/2012.

+ Ngày 23/8/2012, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Quyết định số 8493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trần Văn H và bà Hà Thị P thường trú tại Khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

+ Ngày 03/10/2012, UBND huyện T (nay là thị xã T) ban hành Quyết định số 9858/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh (Đợt 1: Đoạn từ cầu Khánh Vân đến hết khu công nghiệp Nam Tân Uyên thuộc địa phận xã K, huyện T, tỉnh Bình Dương).

+ Ngày 10/10/2012, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp với UBND xã K (nay là phường K) niêm yết công khai Quyết định số 9858/QĐ-

UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh (Đợt 1: Đoạn từ cầu Khánh Vân đến hết khu công nghiệp Nam Tân Uyên thuộc địa phận xã K, huyện T, tỉnh Bình Dương) tại trụ sở UBND xã K (nay là phường K) và các Văn phòng khu phố nơi có đất bị ảnh hưởng công trình.

- Về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P:

Ông Trần Văn H và bà Hà Thị P có các thửa đất nằm trong công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh như sau:

+ Thửa đất số 160 diện tích trước khi thu hồi là 378m² và thửa đất số 23 diện tích trước khi thu hồi là 1.113m², tờ bản đồ số 33 tại xã K, loại đất CLN được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04029 ngày 04/8/2008.

+ Thửa đất số 68 diện tích trước khi thu hồi là 1.728 m², tờ bản đồ số 33 tại xã K, loại đất ONT+CLN được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04041 ngày 04/8/2008.

+ Thửa đất số 337 diện tích trước khi thu hồi là 2.557 m² tờ bản đồ số 33 tại xã K, loại đất CLN được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04040 ngày 04/8/2008.

Ngày 23/8/2012, UBND huyện T (nay là thị xã T) ban hành Quyết định số 8493/QĐ-UBND thu hồi diện tích 2028,2 m² thuộc một phần thửa đất số 160, 337, 68, 23 tờ bản đồ số 33 tại xã Khánh Bình của ông Trần Văn H và bà Hà Thị P, thường trú tại khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương, để thực hiện công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh, loại đất thu hồi là CLN: 2028,2 m².

Ngày 19/9/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đã mời hộ ông Trần Văn H và bà Hà Thị P (theo Giấy mời số 112/GM-TN&MT) đến UBND xã K để công bố và bàn giao quyết định thu hồi đất. Tại buổi làm việc, UBND xã K đã lập biên bản các hộ dân không đến dự (trong đó có hộ ông Trần Văn H và bà Hà Thị P). Cùng ngày, UBND xã K đã lập biên bản niêm yết, công khai danh sách các hộ dân có đất bị thu hồi kèm theo các quyết định thu hồi đất của các hộ dân (Biên bản làm việc ngày 26/9/2012).

Ngày 19/10/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T tiếp tục mời ông Trần Văn H và bà Hà Thị P đến UBND xã K để công bố và bàn giao quyết định thu hồi đất (theo giấy mời số 112/GM-TN&MT lần 2). Tuy nhiên, ông Trần Văn H và bà Hà Thị P không đến làm việc theo thư mời.

Tài sản gắn liền với đất trong phạm vi giải tỏa có 04 cây xà cừ (đường kính > 20) đã được kiểm kê trong Biên bản kiểm kê số 316/BBKK ngày 28/12/2011 của Trung tâm Phát triển quỹ đất.

Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất áp giá bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P như sau:

- + Bồi thường về đất CLN: $2028,2 \text{ m}^2 \times 168.000 \text{ đ/m}^2 = 340.737.600 \text{ đồng}$
 - + Hỗ trợ đất nắn tuyến: $103 \text{ m}^2 \times 941.850 \text{ đ/m}^2 = 97.010.550 \text{ đồng}$
 - + Hỗ trợ đất NN (=70%): $521,5 \text{ m}^2 \times 941.850 \text{ đ/m}^2 = 491.174.775 \text{ đồng}$
 - + Hỗ trợ đất NN (=50%): $875,5 \text{ m}^2 \times 672.750 \text{ đ/m}^2 = 588.992.625 \text{ đồng}$
 - + Cây trồng trên đất: 600.000 đồng
- => Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 1.518.515.550 đồng

Ngày 16/10/2012, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Quyết định số 10492/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 1.518.515.550 đồng. Trong đó:

- + Bồi thường về đất: 340.737.600 đồng
- + Hỗ trợ về đất: 1.177.177.950 đồng
- + Cây cối: 600.000 đồng

Ngày 18/12/2014, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất công bố và bàn giao Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 cho ông Trần Văn H.

Ngày 21/3/2016, UBND thị xã T ban hành Thông báo số 187/TB-UBND ngày 21/3/2016 về việc nhận tiền bồi thường và bàn giao đất thu hồi. Ngày 24/3/2016, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất phối hợp UBND phường K công bố và bàn giao Thông báo trên cho ông Trần Văn H. Kết quả ông H đã nhận thông báo nhưng không đồng ý giá bồi thường, đang khiếu nại tại UBND tỉnh, yêu cầu gặp Chủ tịch UBND thị xã đối thoại.

- Về quá trình giải quyết đơn kiến nghị:

Ngày 24/12/2014, ông Trần Văn H làm đơn kiến nghị xem xét việc áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với 2899,2m² đất của ông bị thu hồi theo Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 thuộc Công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cống Xanh.

Ngày 29/5/2015, UBND thị xã T ban hành Công văn số 3131/UBND-TD về việc trả lời đơn của ông Trần Văn H, cụ thể như sau:

+ Đối với ý kiến tại sao đến nay, hơn 2 năm kiểm kê, mới đưa quyết định bồi thường và bảng áp giá cho ông, trong khi quyết định có ghi rõ ông có quyền

khiếu nại trong vòng 90 ngày: Việc này nguyên nhân do từ tháng 10/2012 đến tháng 11/2014 nguồn vốn phân bổ cho Dự án không đủ để chi trả bồi thường cho dân nên không mời ông Trần Văn H đến để giao Quyết định và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Về thời hiệu khiếu nại: Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện T có quy định ông Trần Văn H và bà Hà Thị P có quyền khiếu nại quyết định này trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận quyết định. Ông Trần Văn H đã nhận quyết định bồi thường vào ngày 18/12/2014. Theo đó, thời hiệu khiếu nại Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 được tính từ ngày ông Trần Văn H ký nhận Quyết định số 10492/QĐ- UBND (ngày 18/12/2014).

+ Về trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 46 và điều 47 Quyết định số 87/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh B. Trong quá trình thực hiện Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất đã phối hợp với UBND phường K tổ chức họp dân công khai Phương án bồi thường, niêm yết công khai Phương án bồi thường (có biên bản họp dân, biên bản công khai).

+ Ông Trần Văn H đề nghị thẩm định lại giá đất, thẩm định lại phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012, nhưng đến ngày 18/12/2014 mới giao cho ông là không có căn cứ để xem xét giải quyết vì Phương án bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt tại Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND huyện (nay là thị xã) được niêm yết công khai đúng trình tự, thủ tục; đơn giá bồi thường, hỗ trợ trong Phương án bồi thường được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên-Môi trường: *“giá đất để tính bồi thường là giá đất theo mục đích đang sử dụng của loại đất bị thu hồi, được UBND cấp tỉnh quy định và công bố vào ngày 01 tháng 01 hàng năm ”*.

+ Đối với ý kiến nếu không thể điều chỉnh giá đất theo giá thị trường, đề nghị chủ đầu tư và chính quyền địa phương có phương án đổi đất khác có cùng mục đích sử dụng và có giá trị tương đương: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định: *“ Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất ”*. Do địa phương không có quỹ đất để bồi thường nên các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Công Xanh được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất. Ông Trần Văn H đề nghị đổi đất khác có cùng mục đích sử dụng và có giá trị tương đương là không thực hiện được.

Như vậy, việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện 2899,2m² đất bị thu hồi của ông Trần Văn Hai là đúng theo quy định.

Ngày 6/9/2016, UBND thị xã T tổ chức gặp gỡ, đối thoại với ông Trần Văn H về một số nội dung liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B. Kết quả yêu cầu ông Trần Văn H gửi đơn tại Ban Tiếp công dân thị xã để được viết biên nhận và giải quyết theo quy định.

Ngày 18/11/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức gặp gỡ, đối thoại với ông Trần Văn H. Kết quả đối thoại ông Trần Văn H không đồng ý các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cũ đã ban hành trước đây, tôi chỉ đồng ý nhận các Quyết định mới ban hành năm 2015. Nếu không ban hành các Quyết định mới năm 2015, yêu cầu sớm ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu để ông có quyền khiếu nại lên cấp có thẩm quyền.

Ngày 30/12/2016, Chủ tịch UBND thị xã ban hành Quyết định số 6465/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần đầu), với nội dung:

+ Bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn H đối với việc xem xét hủy Công văn số 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T; hủy Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện T; xác định lại giá đất bồi thường theo giá đất thị trường tại thời điểm UBND thị xã T bàn giao Quyết định thu hồi đất hoặc hoán đổi đất khác có cùng vị trí, mục đích sử dụng và giá trị tương đương.

+ Giữ nguyên Công văn số 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T, Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện T.

Ngày 17/02/2017, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 371/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, trong đó giao Thanh tra tỉnh xác minh làm rõ nội dung khiếu nại của ông Trần Văn H.

Ngày 09/3/2017 và ngày 17/4/2017, Thanh tra tỉnh tổ chức làm việc với UBND thị xã T về một số vấn đề liên quan đến nội dung khiếu nại của ông Trần Văn H.

Ngày 11/10/2017, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông Trần Văn H khiếu nại Quyết định số 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND thị xã T (lần hai).

Từ những căn cứ và nội dung nêu trên, cho thấy việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P là đúng theo phương án bồi thường đã được phê duyệt và đúng theo quy định, Chủ tịch UBND thị xã T ban hành Quyết định số 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND thị xã đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B xem xét, giải quyết vụ án theo quy định.

**Tại bản giải trình của người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B là ông Mai Hùng D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:*

Công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh được UBND tỉnh phê duyệt dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 13/10/2011; UBND huyện Tân Uyên phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012.

Ngày 20/9/2011, UBND huyện (nay là thị xã) T ban hành Thông báo số 201/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án tỉnh lộ ĐT747B đoạn Bình Chuẩn - Hội Nghĩa.

Ngày 28/12/2011, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện T (nay là Chi nhánh Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã T) tiến hành kiểm kê đất và tài sản trên đất đối với hộ ông Trần Văn H (Biên bản kiểm kê số 316/BBKK).

Ngày 13/8/2012, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện T lập Biên bản áp giá bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H (Bảng áp giá số 61/TTPTQĐ-KT). Trên cơ sở đó, UBND huyện T ban hành Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P, với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 1.518.515.550 đồng, trong đó:

+ Thửa đất số 160: Diện tích thu hồi 292m² (đất cây lâu năm) x 168.000 đồng/m² = 49.056.000 đồng, hỗ trợ nần tuyền: 37m² x 941.850 đồng/m² (70% x 1.345.500 đồng/m²) = 34.848.450 đồng.

+ Thửa đất số 23: Diện tích thu hồi 355m² (đất cây lâu năm) x 168.000 đồng/m² = 59.640.000 đồng, hỗ trợ nần tuyền: 66m² x 941.850 đồng/m² (70% x 1.345.500 đồng/m²) = 62.162.100 đồng.

+ Thửa đất số 337: Diện tích thu hồi 859,7m² (đất cây lâu năm) x 168.000 đồng/m² = 144.429.600 đồng.

+ Thửa đất số 68: Diện tích thu hồi 521,5m² (đất cây lâu năm) x 168.000 đồng/m² = 87.612.000 đồng, hỗ trợ đất nông nghiệp do trong cùng thửa đất có nhà ở là: 521,5m² x 941.850 đồng/m² (70% x 1.345.500 đồng/m²) = 491.174.775 đồng.

+ Phần diện tích đất nông nghiệp còn lại được hỗ trợ: 875,5m² x 672.750 đồng/m² (50% x 1.345.500 đồng/m²) = 588.992.625 đồng.

+ Bồi thường cây trái, hoa màu trên đất: 600.000 đồng.

Ngày 23/8/2012, UBND huyện T ban hành Quyết định số 8493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trần Văn H và bà Hà Thị P.

Ngày 19/9/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T đã mời hộ ông Trần Văn H và bà Hà Thị P (theo Giấy mời số 112/GM-TN&MT) đến UBND xã K để công bố và bàn giao quyết định thu hồi đất. Tại buổi làm việc, UBND xã K lập biên bản các hộ dân không đến dự (trong đó có hộ ông Trần Văn H và bà Hà Thị P). Cùng ngày, UBND xã K đã lập biên bản niêm yết, công khai danh sách

các hộ dân có đất bị thu hồi, kèm theo các quyết định thu hồi đất của các hộ dân (Biên bản làm việc ngày 26/9/2012).

Ngày 16/10/2012, UBND huyện T ban hành Quyết định số 10492/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P với tổng số tiền là 1.518.515.550 đồng.

Ngày 19/10/2012, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T tiếp tục mời ông Trần Văn H và bà Hà Thị P đến UBND xã K để công bố và bàn giao quyết định thu hồi đất (theo giấy mời số 112/GM-TN&MT- lần 2). Tuy nhiên, ông Trần Văn H và bà Hà Thị P không đến làm việc theo thư mời.

Ngày 15/12/2014, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện T mời hộ ông Trần Văn H đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 18/12/2014, hộ ông Trần Văn H có đến làm việc theo thư mời nhưng gia đình ông H không đồng ý nhận tiền bồi thường và các chính sách hỗ trợ.

Không đồng ý với kết quả áp giá bồi thường, hỗ trợ, ông Trần Văn H khiếu nại Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của Chủ tịch UBND huyện T và yêu cầu bàn giao trực tiếp quyết định thu hồi đất, bồi thường 2028,2m² đất theo giá thị trường tại thời điểm UBND thị xã T bàn giao quyết định thu hồi đất hoặc hoán đổi đất khác có cùng mục đích sử dụng và vị trí tương đương.

- Việc Trần Văn H yêu cầu bàn giao trực tiếp quyết định thu hồi đất, là không có cơ sở xem xét, giải quyết, vì:

Dự án Công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh được UBND tỉnh phê duyệt Dự án tổng thể tại Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 13/10/2011 trên cơ sở Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ (quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư); theo đó, tại Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, không quy định phải bàn giao trực tiếp quyết định thu hồi đất, chỉ quy định gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất bị thu hồi. Tuy nhiên, để đảm bảo tính công khai, minh bạch và thông tin đến cho người dân, cơ quan chức năng của UBND huyện T cũng đã 02 lần mời ông Trần Văn H và bà Hà Thị P đến UBND xã K để công bố, bàn giao quyết định thu hồi đất (lần 1 ngày 19/9/2012; lần 2 ngày 19/10/2012), nhưng cả 02 lần ông Trần Văn H, bà Hà Thị P đều không đến và UBND xã K đã lập Biên bản, niêm yết công khai danh sách các hộ bị thu hồi đất, kèm theo quyết định thu hồi đất tại trụ sở UBND xã K.

- Về nội dung ông Trần Văn H yêu cầu bồi thường 2.028,2m² đất theo giá thị trường tại thời điểm UBND thị xã T bàn giao quyết định thu hồi đất hoặc hoán đổi đất khác có cùng mục đích sử dụng và vị trí tương đương, là không có cơ sở xem xét, giải quyết, vì: UBND huyện T đã áp giá bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H và bà Hà Thị P đúng theo phương án bồi thường, hỗ trợ mà UBND huyện T phê duyệt tại Quyết định số ^9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 và trong

Phương án trên cũng không quy định về việc hoán đổi đất, hơn nữa địa phương cũng không có quỹ đất để hoán đổi.

- Căn cứ Khoản 2, Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ, quy định: “Nhà nước thu hồi đất của người đang sử dụng vào mục đích đất nào thì được bồi thường bằng việc giao đất mới có cùng mục đích sử dụng, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng giá trị quyền sử dụng đất tính theo giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất...”; đối chiếu quy định trên, thì Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện T thực hiện đúng quy định và áp giá bồi thường theo đơn giá được phê duyệt năm 2012 (cùng thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất).

Từ những nội dung trên, việc Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn H đối với Quyết định số 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND thị xã T, là đúng quy định pháp luật.

Đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh B vẫn giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017. Đồng thời, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương tuyên xử bác đơn khởi kiện của ông Trần Văn H; công nhận nội dung Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND huyện T, tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh (đợt 1: đoạn từ cầu Khánh Vân đến hết khu công nghiệp Nam Tân Uyên thuộc địa phận xã (nay phường) K, huyện (nay thị xã) T, tỉnh Bình Dương; Quyết định số: 8493/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất; Quyết định số: 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Công văn số: 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc trả lời đơn của ông Trần Văn H; Quyết định số 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần 1); Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần 2).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/7/2018 người khởi kiện ông Trần Văn H kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại đơn kháng cáo và trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay người khởi kiện ông Trần Văn H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm hủy các Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND huyện T; Quyết định số: 8493/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND thị xã T; Quyết định số: 10492/QĐ- UBND ngày 16/10/2012 của UBND thị xã T; Công văn số: 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T; Quyết định số 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T; Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B, UBND thị xã T và Chủ tịch UBND thị xã T vắng mặt.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng các quyết định thu hồi đất có sai sót về trình tự thủ tục ban hành; các quyết định phê duyệt phương án bồi thường và bồi thường, các quyết định giải quyết khiếu nại là trái quy định bởi vì hai quyết định này được ban hành từ năm 2012 nhưng đến năm 2014 mới giao cho ông H nhưng lại áp giá năm 2012. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện sửa bản án sơ thẩm và hủy các quyết định nói trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2018/HC-ST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện và ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2]. Người khởi kiện ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND huyện T, tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh (đợt 1: đoạn từ cầu Khánh Vân đến hết khu công nghiệp Nam Tân Uyên thuộc địa phận xã (nay phường) K, huyện (nay thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

- Hủy Quyết định số: 8493/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Hủy Công văn số 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc trả lời đơn của ông Trần Văn Hai.

- Hủy Quyết định số 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần 1).

- Hủy Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần 2).

[3]. Xét thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị khiếu kiện: Căn cứ khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 18, Điều 40 của Luật Khiếu nại; Điều 126, Điều 127 của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 thì các quyết định nói trên được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung:

[5]. Công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT-747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 13/10/2011; UBND huyện T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 có kèm theo phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư. Ngày 13/8/2012 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tân Uyên lập biên bản áp giá bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn H.

[6]. Ngày 23/8/2012 UBND huyện T ban hành Quyết định số 8493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trần Văn H và bà Hà Thị P và Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Văn H với tổng số tiền 1.518.515.550 đồng. Ông Trần Văn H cho rằng các Quyết định này được ban hành trên những căn cứ trái luật, hồ sơ không kèm theo Quyết định nêu trên là biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất lập ngày 20/12/2011 nhưng ông H hoàn toàn không nhận được biên bản kiểm kê tài sản có bảng vẽ hiện trạng vị trí đất của ông bị giải tỏa, không xác định được ranh mốc phần đất bị giải tỏa thì làm sao xác định được diện tích đất bị giải tỏa là bao nhiêu để thu hồi đất và tính giá bồi thường; đồng thời bản áp giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 61/TTPTQĐ-KT lập ngày 13/8/2012 còn được thực hiện trước khi UBND huyện T ra Quyết định thu hồi đất của ông Trần Văn H.

[7]. Ngày 18/12/2014 Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất công bố và bàn giao Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 cho ông Trần Văn Hai. Ông Trần Văn H không đồng ý giá bồi thường tại Quyết định số 10492/QĐ-UBND vì cho rằng: Theo khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định “Giá đất để tính bồi thường quy định tại Điều 11 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP là giá đất theo mục đích đang sử dụng của loại đất bị thu hồi, được UBND cấp tỉnh quy định và công bố vào ngày 01 tháng 01 hàng năm” thì ông H phải được bồi thường theo giá đất năm 2015, nhưng Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của

UBND thị xã T lại áp giá theo giá đất tại thời điểm năm 2012. Mặt khác, theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định thì giá đất tính bồi thường là giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất và hiện nay ông Trần Văn H vẫn chưa nhận được Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T, UBND thị xã T giao quyết định thu hồi đất. Do đó, ông Trần Văn H đề nghị được bồi thường giá đất tại thời điểm thu hồi đất là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giá đất để tính bồi thường và xác định giá đất trong một số trường hợp cụ thể thì giá đất tại thời điểm thu hồi đất chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì UBND cấp tỉnh căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường để xác định lại giá đất cụ thể để quyết định giá đất tính bồi thường cho phù hợp và không bị giới hạn bởi quy định về khung giá các loại đất.

[9]. Ngày 18/12/2014 Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất mới công bố và bàn giao Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương cho ông Trần Văn H. Lý do sau hai năm mới triển khai quyết định bồi thường theo Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Tân Uyên là do từ tháng 10/2012 đến tháng 11/2014 nguồn vốn phân bổ cho dự án không đủ để chi trả bồi thường cho dân nên không mời ông H đến để giao quyết định và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Như vậy việc ông Trần Văn H không được nhận bồi thường tại thời điểm có Quyết định thu hồi đất số 8493/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND huyện T không phải lỗi từ phía ông H mà lỗi từ cơ quan chủ quản như đã nêu trên.

[10]. Ông Trần Văn H không đồng ý nhận tiền bồi thường do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T thực hiện việc giải tỏa, bồi thường đối với 2899,2m² của ông Trần Văn H trái các quy định của pháp luật về giải tỏa, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nên ông Trần Văn H có đơn khiếu nại việc áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với 2899,2m² đất của ông H đến UBND thị xã T.

[11]. Ngày 29/5/2015 UBND thị xã T ban hành Công văn số 3131/UBND-TD trả lời đơn của ông Trần Văn H, cho rằng Trung tâm phát triển quỹ đất đã bồi thường, hỗ trợ với diện tích 2899,2m² đất của ông Trần Văn H bị thu hồi là đúng trình tự, thủ tục thu hồi và bồi thường.

[12]. Không đồng ý với kết quả giải quyết của UBND thị xã T tại Công văn số 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015, ông Trần Văn H tiếp tục khiếu nại đến UBND thị xã T yêu cầu hủy bỏ Công văn số 3131/UBND-TD, đồng thời yêu cầu UBND thị xã T giao quyết định thu hồi đất cho ông Trần Văn H theo đúng quy định của pháp luật; hủy Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xác

định lại giá đất bồi thường theo giá đất thị trường tại thời điểm UBND thị xã T giao quyết định thu hồi đất cho ông Trần Văn H hoặc hoán đổi đất khác có cùng vị trí, mục đích sử dụng và giá trị tương đương.

[13]. Ngày 30/12/2015 Chủ tịch UBND thị xã T ban hành Quyết định số 6465/QĐ- UBND bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn H, giữ nguyên Công văn số 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T.

[14]. Không đồng ý với việc UBND thị xã T giải quyết khiếu nại trên, ngày 11/10/2017 ông Trần Văn H khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B.

[15]. Tại Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B bác đơn khiếu nại của ông Trần Văn H, với nội dung:

[16]. Việc ông Trần Văn H yêu cầu bàn giao trực tiếp quyết định thu hồi đất là không có cơ sở xem xét, giải quyết vì Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ không quy định phải bàn giao trực tiếp quyết định thu hồi đất, chỉ quy định gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người có đất bị thu hồi. Tuy nhiên trong trường hợp này, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Tân Uyên không “gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư” đến ông Trần Văn H là người có đất bị thu hồi mà chỉ mời ông H đến UBND xã K để công bố và bàn giao quyết định thu hồi đất là trái với quy định của pháp luật. Ngoài ra theo khoản 1 Điều 93 Luật đất đai năm 2013 quy định “Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi” và khoản 2 Điều 93 quy định “Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”. Như vậy có căn cứ pháp lý để xem xét xác định việc ông Trần Văn H khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định như trên là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H.

[17], Từ các nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H, sửa Bản án sơ thẩm hủy các quyết định về thu hồi đất, về phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại, giao cho UBND thị xã T giải quyết lại.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều: 30, 32, khoản 2 Điều 79, 116, 134, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 164, điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 18, Điều 40 của Luật Khiếu nại; Điều 41, 42 của Luật Đất

đai năm 2003; khoản 2, Điều 14, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn H đối với Quyết định số 9858/QĐ-UBND ngày 03/10/2012 của UBND huyện T, tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: nâng cấp, mở rộng đường ĐT 747B đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Cổng Xanh (đợt 1: đoạn từ cầu Khánh Vân đến hết khu công nghiệp Nam Tân Uyên thuộc địa phận xã (nay phường) K, huyện (nay thị xã) T, tỉnh Bình Dương.

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm. Hủy các Quyết định hành chính sau đây của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương:

- Quyết định số: 8493/QĐ-UBND ngày 23/8/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất;

- Quyết định số: 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

- Công văn số: 3131/UBND-TD ngày 29/5/2015 của UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc trả lời đơn của ông Trần Văn H;

- Quyết định số 6465/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần 1);

- Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Văn H (lần 2).

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Trần Văn H không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010852 ngày 29/11/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B; Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Văn H không phải chịu 300.000 đồng và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026781 ngày 25/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ tuyên án.

NỘI DUNG ÁN LỆ:

[6]. Ngày 23/8/2012 UBND huyện T ban hành Quyết định số 8493/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trần Văn H và bà Hà Thị P và Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Trần Văn H với tổng số tiền 1.518.515.550 đồng. Ông Trần Văn H cho rằng các Quyết định này được ban hành trên những căn cứ trái luật, hồ sơ không kèm theo Quyết định nêu trên là biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất lập ngày 20/12/2011 nhưng ông H hoàn toàn không nhận được biên bản kiểm kê tài sản có bảng vẽ hiện trạng vị trí đất của ông bị giải tỏa, không xác định được ranh mốc phân đất bị giải tỏa thì làm sao xác định được diện tích đất bị giải tỏa là bao nhiêu để thu hồi đất và tính giá bồi thường; đồng thời bản áp giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 61/TTPTQĐ-KT lập ngày 13/8/2012 còn được thực hiện trước khi UBND huyện T ra Quyết định thu hồi đất của ông Trần Văn H.

[7]. Ngày 18/12/2014 Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất công bố và bàn giao Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 cho ông Trần Văn H. Ông Trần Văn H không đồng ý giá bồi thường tại Quyết định số 10492/QĐ-UBND vì cho rằng: Theo khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định “Giá đất để tính bồi thường quy định tại Điều 11 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP là giá đất theo mục đích đang sử dụng của loại đất bị thu hồi, được UBND cấp tỉnh quy định và công bố vào ngày 01 tháng 01 hàng năm” thì ông H phải được bồi thường theo giá đất năm 2015, nhưng Quyết định số 10492/QĐ-UBND ngày 16/10/2012 của UBND thị xã T lại áp giá theo giá đất tại thời điểm năm 2012. Mặt khác, theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định thì giá đất tính bồi thường là giá đất tại thời điểm quyết định thu hồi đất và hiện nay ông Trần Văn H vẫn chưa được Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã T, UBND thị xã T giao quyết định thu hồi đất. Do đó, ông Trần Văn H đề nghị được bồi thường giá đất tại thời điểm thu hồi đất là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.”

LÝ DO ĐỀ XUẤT ÁN LỆ

(Bản án hành chính phúc thẩm số 427/2019/HC-PT ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc “khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất” giữa Người khởi kiện là ông Trần Văn H; Người bị kiện là UBND tỉnh B và UBND thị xã T, tỉnh Bình Dương).

Trong thực tiễn giải quyết các vụ án hành chính liên quan đến việc bồi thường khi thu hồi đất hiện nay có rất nhiều trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ

trợ, tái định cư cho người bị thu hồi đất, nhưng lại chậm công bố và giao các quyết định này cho người bị thu hồi đất. Do đó, khi công bố và giao các quyết định này cho người bị thu hồi đất thì giá đất đã có sự thay đổi, người bị thu hồi đất không đồng ý với giá đất bồi thường tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, dẫn đến khiếu kiện hành chính.

Theo khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định *“Giá đất để tính bồi thường quy định tại Điều 11 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP là giá đất theo mục đích đang sử dụng của loại đất bị thu hồi, được UBND cấp tỉnh quy định và công bố vào ngày 01 tháng 01 hàng năm”*.

Trong vụ án này, UBND huyện T ban hành các Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người bị thu hồi đất từ năm tháng 8/2012. Tuy nhiên, do không có kinh phí để chi trả bồi thường nên đến tháng 12/2014 thì UBND huyện T mới công bố và giao Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người bị thu hồi đất, dẫn đến giá đất được bồi thường tại thời điểm ra quyết định thu hồi và thời điểm công bố và giao quyết định cho người bị thu hồi đất có sự chênh lệch lớn. Người khởi kiện là người bị thu hồi đất yêu cầu được bồi thường theo giá đất tại thời điểm nhận quyết định thu hồi. Trường hợp này, Tòa án xác định lỗi chậm công bố và giao các quyết định này cho người bị thu hồi đất là thuộc cơ quan có thẩm quyền nên đã xác định giá đất để làm căn cứ bồi thường cho người bị thu hồi đất là giá đất tại thời điểm thu hồi đất là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất.

Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học thấy rằng đây là tình huống vẫn còn nhiều cách hiểu khác nhau, người bị thu hồi đất khiếu nại các Quyết định hành chính theo thủ tục hành chính thường không được chấp nhận. Do đó, khi người bị thu hồi đất khởi kiện hành chính thì giải pháp mà Tòa án đưa ra trong bản này là xác định giá đất để làm căn cứ bồi thường cho người bị thu hồi đất là giá đất tại thời điểm thu hồi đất là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất. Tình huống này có thể xem xét phát triển án lệ để hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong các vụ án có tình huống pháp lý tương tự.